

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN GIAO THỦY
TỈNH NAM ĐỊNH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 76/2019/HS - ST
Ngày: 07 - 10 - 2019

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN GIAO THỦY, TỈNH NAM ĐỊNH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Trần Thị Thu Hiền.

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Nguyễn Vinh Quang.

Bà Quách Thị Lùng.

- Thư ký phiên tòa: Bà Đặng Thị Ngoan - Thư ký Tòa án nhân dân Huyện G, Tỉnh N.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Huyện G tham gia phiên tòa: Ông Trần Văn Trường - Kiểm sát viên.

Ngày 07 tháng 10 N2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân Huyện G, Tỉnh N xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 81/2019/TLST-HS ngày 13 tháng 9 N2019, theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 77/2019/ QĐXXST- HS ngày 24 tháng 9 N2019 đối với bị cáo:

Nguyễn Ngọc N; sinh N1968, tại Huyện G, Tỉnh N; Nơi ĐKNKTT và nơi cư trú: Xóm 3 xã Hoành S, Huyện G, Tỉnh N; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ văn hóa (học vấn): 7/10; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông: Nguyễn Ngọc Kha và bà Đặng Thị Mùi (đều đã chết), Nguyễn Ngọc N sống chung như vợ chồng với chị Nguyễn Thị H sinh N1969 trú tại huyện Thanh S, tỉnh Phú T từ N1992 (không đăng ký kết hôn); có 01 con sinh N1993; tiền án, tiền sự: Không; nhân thân: Ngày 09/02/2015, Nguyễn Ngọc N bị Tòa án nhân dân Huyện G Tỉnh N xử phạt 33 tháng tù về tội “ Mua bán trái phép chất ma túy”, ra trại ngày 24/01/2017; bị cáo bị bắt tạm giữ, tạm giam từ ngày 24/6/2019 đến nay; hiện đang tạm giam tại Nhà tạm giữ Công an Huyện G, Tỉnh N; “có mặt”.

- Người làm chứng:

1. Anh Phạm Văn G; sinh N1970; địa chỉ: Thôn Cổ Chát, xã Phương Định, huyện Trục Ninh, Tỉnh N; “vắng mặt”.
2. Anh Nguyễn Văn T - Sinh N1980; địa chỉ: Xóm 4 xã Hoảnh S, Huyện G, Tỉnh N; “vắng mặt”.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau: Khoảng 13 giờ 45 phút, ngày 24/6/2019 Phạm Văn G gặp Nguyễn Văn T ở khu vực Ủy ban nhân dân xã Hoảnh S, Huyện G. G nhờ T chở đến nhà Nguyễn Ngọc N. Khi đến cổng nhà N, G bảo T dừng xe và đi vào nhà Năm. Khi gặp Năm, G hỏi Năm mua 01 gói heroine và đưa cho N100.000đ. Năm cầm tiền và đưa cho G 01 gói heroine thì bị tổ công tác phòng cảnh sát điều tra tội phạm về ma túy Công an Tỉnh N bắt quả tang. Thu giữ của G 01 gói nhỏ được gói bằng giấy màu vàng bên trong có chứa chất bột dạng cục màu trắng, G khai đó là heroine vừa mua của N với mục đích để sử dụng cho bản thân, được ký hiệu M. Thu giữ của N 100.000 đồng, N khai đó là tiền vừa bán 01 gói heroine cho G mà có; 01 điện thoại di động đã cũ; 01 chứng minh nhân dân mang tên Nguyễn Ngọc N. Cơ quan điều tra đã tiến hành khám xét khẩn cấp nhà N còn thu giữ trong ngăn tủ kính ở phòng khách 01 gói nhỏ được gói bằng giấy màu vàng bên trong có chứa chất bột dạng cục màu trắng. N khai đó là heroine của N cất giấu mục đích để bán, được niêm phong ký hiệu K. Tổ công tác đã lập biên bản bắt người phạm tội quả tang, niêm phong vật chứng theo quy định.

Ngày 24/6/2019, Cơ quan điều tra Công an Huyện G đã tiến hành trưng cầu giám định đối với số ma túy đã thu giữ gửi đi giám định.

Tại bản kết luận giám định số: 644/GĐKTTHS ngày 25/6/2019 của Phòng kỹ thuật hình sự Công an Tỉnh N kết luận: “Mẫu bột dạng cục màu trắng trong 02 (hai) phong bì được niêm phong ký hiệu M và K gửi giám định là ma túy. Loại ma túy: Heroine. Khối lượng mẫu M: 0,017gam. Khối lượng mẫu K: 0,023 gam.

Tại bản cáo trạng số: 82/CT - VKS ngày 11/9/2019 của Viện kiểm sát nhân dân Huyện G truy tố bị cáo Nguyễn Ngọc N về tội “Mua bán trái phép chất ma túy” theo khoản 1 Điều 251 Bộ luật hình sự.

Kiểm sát viên Viện kiểm sát nhân dân Huyện G thực hành quyền công tố tại phiên tòa giữ nguyên bản Cáo trạng truy tố và đề nghị Hội đồng xét xử: Về tội danh: Tuyên bố bị cáo Nguyễn Ngọc N phạm tội “Mua bán trái phép chất ma túy”. Về hình phạt: Áp dụng khoản 1 Điều 251; điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự; xử phạt bị cáo Nguyễn Ngọc N từ 30 tháng đến 36 tháng tù. Về xử lý vật chứng: Áp

dụng khoản 2 Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự: Tịch thu cho tiêu hủy toàn bộ số ma túy hoàn trả mẫu vật sau giám định; Tịch thu sung ngân sách Nhà nước số tiền 100.000 đồng thu giữ của Nguyễn Ngọc N. Về hình phạt bổ sung: đề nghị không áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo.

Tại phiên tòa, bị cáo đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội và không tranh luận gì. Trong lời nói sau cùng, bị cáo tỏ rõ ăn năn hối cải và đề nghị Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt và xin miễn hình phạt bổ sung.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra, xét hỏi, tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận thấy như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an Huyện G, Điều tra viên; Viện kiểm sát nhân dân Huyện G, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố; thành viên Hội đồng xét xử, Thư ký Tòa án ghi biên bản phiên tòa đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Về tội danh: Lời khai của các bị cáo tại phiên tòa phù hợp với các tài liệu, chứng cứ khác của vụ án như: Biên bản bắt người phạm tội quả tang; lời khai của người làm chứng; kết luận giám định số 644/GĐKTTHS ngày 25/6/2019 của Phòng kỹ thuật hình sự Công an Tỉnh N; như vậy có đủ cơ sở khẳng định: Khoảng 14 giờ ngày 24/6/2019, Nguyễn Ngọc N đã có hành vi bán trái phép 01 gói heroine có khối lượng 0,017gam cho Phạm Văn G với giá 100.000 đồng và cất giấu 01 gói heroine có khối lượng 0,023gam nhằm mục đích để bán kiếm lời. Hành vi của bị cáo đã đủ yếu tố cấu thành tội “Mua bán trái phép chất ma túy”, tội phạm và hình phạt được quy định tại khoản 1 Điều 251 của Bộ luật hình sự. Vì vậy, Viện kiểm sát nhân dân Huyện G truy tố Nguyễn Ngọc N về tội “Mua bán trái phép chất ma túy” theo quy định tại khoản 1 Điều 251 của Bộ luật hình sự là hoàn toàn có căn cứ pháp luật

[3] Về tính nguy hiểm của hành vi: Hành vi phạm tội của bị cáo đã xâm phạm đến sự độc quyền quản lý của Nhà nước về các chất ma túy, gây ảnh hưởng xấu tới trật tự trị an tại địa phương. Bị cáo có đủ khả năng nhận thức ma túy là hiểm họa của mỗi gia đình và cộng đồng xã hội là một trong những nguyên nhân làm gia tăng các tệ nạn xã hội, gia tăng tội phạm hình sự, xâm phạm tới đạo đức và sức khỏe con người. Bản thân bị cáo đã từng bị xét xử về tội “Mua bán trái phép chất ma túy” nhưng bị cáo không lấy đó làm bài học cho bản thân lại tiếp tục phạm tội.

[4] Về nhân thân, tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Bị cáo không phải chịu tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự theo quy định tại khoản 1 Điều 52 Bộ luật hình sự. Tại Cơ quan điều tra và tại phiên tòa, bị cáo đã thành khẩn khai báo, tỏ rõ ăn năn hối cải, do đó các bị cáo được hưởng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự theo quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự.

[5] Về hình phạt chính: Hội đồng xét xử thấy cần xử phạt bị cáo bằng hình phạt tù có thời hạn, cách ly bị cáo ra khỏi đời sống xã hội một thời gian; có như vậy mới có tác dụng giáo dục cải tạo bị cáo thành người có ích cho gia đình và xã hội, đồng thời đáp ứng công tác phòng chống tội phạm nói chung.

[6] Về hình phạt bổ sung: Theo quy định tại khoản 5 Điều 251 Bộ luật hình sự quy định: “Người phạm tội còn có thể bị phạt tiền từ 5.000.000 đồng đến 500.000.000 đồng...”, do đó, bị cáo có thể bị áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền. Tuy nhiên, theo các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án và lời khai của bị cáo tại phiên tòa cho thấy, bị cáo là người nghiện ma túy, điều kiện kinh tế khó khăn vì vậy, Hội đồng xét xử không áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với bị cáo.

[5] Về xử lý vật chứng, tài sản thu giữ: Đối với số tiền 100.000 đồng thu giữ của Nguyễn Ngọc N do Nbán ma túy mà có cần tịch thu sung ngân sách nhà nước; Đối với số ma túy hoàn trả mẫu vật sau giám định cần tịch thu cho tiêu hủy.

Đối với 01 chiếc điện thoại di động vỏ màu đen đã cũ và 01 chứng minh nhân dân thu giữ của Năm. Xét đây là tài sản hợp pháp của Nnên Công an Huyện G đã trả lại cho gia đình Nlà phù hợp.

Về nguồn gốc số ma túy của Nguyễn Ngọc N, Nkhai: ngày 23/6/2019 bị cáo đi bộ từ nhà xuống khu vực nhà thờ xã Giao Yến mua của một người đàn ông không biết tên, tuổi, địa chỉ đứng ven đường 01 gói heroine với giá 200.000đồng. Sau đó, bị cáo sử dụng một ít, số còn lại đem phân chia thành 02 gói. Đến ngày 24/6/2019, bị cáo bán cho G 01 gói, 01gói còn lại chưa kịp bán thì bị bắt. Quá trình điều tra không xác định được người đã bán số heroine trên cho Nnên không có căn cứ để xử lý.

[6] Đối với hành vi sử dụng trái phép chất ma túy của Nguyễn Ngọc N, cơ quan điều tra đã xử lý bằng biện pháp hành chính là phù hợp.

Đối với Phạm Văn G đã có hành vi mua heroine với mục đích sử dụng cho bản thân. Xét thấy, G là đối tượng nghiện ma túy, hành vi chưa đến mức phải xử lý bằng biện pháp xử lý hình sự nên Cơ quan điều tra đã xử lý G bằng biện pháp hành chính là phù hợp.

Đối với Nguyễn Văn T đã có hành vi chở G đi mua ma túy, xét thấy T không biết G đến nhà N để mua ma túy vì vậy vấn đề xử lý không đặt ra.

[7] Về án phí và quyền kháng cáo: Bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm và được quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Căn cứ vào khoản 1 Điều 251, điểm s, khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự:

Tuyên bố: Bị cáo Nguyễn Ngọc N phạm tội “Mua bán trái phép chất ma túy”;
xử phạt: Bị cáo Nguyễn Ngọc N 03 (ba) Năm, thời hạn tù tính từ ngày 24/6/2019.

2. Xử lý vật chứng: Căn cứ khoản 1 Điều 41 Bộ luật hình sự; khoản 2 Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự: Tịch thu sung quỹ Nhà nước số tiền 100.000 đồng thu giữ của Nguyễn Ngọc N; Tịch thu cho tiêu hủy toàn bộ số ma túy hoàn trả mẫu vật sau giám định (Chi tiết theo biên bản giao nhận vật chứng lập ngày 12/9/2019 tại Chi cục thi hành án dân sự Huyện G).

3. Án phí: Căn cứ khoản 2 Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự; Nghị quyết số 326/2016 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội khóa 14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, bị cáo Nguyễn Ngọc N phải nộp 200.000 đồng (hai trăm nghìn đồng) án phí hình sự sơ thẩm.

4. Quyền kháng cáo: Căn cứ Điều 331 và Điều 333 Bộ luật tố tụng hình sự, bị cáo Nguyễn Ngọc N có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì bị cáo có quyền tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND Tỉnh N;
- VKSND Huyện G;
- Chi cục THADS Huyện G;
- Nhà tạm giữ Công an Huyện G;
- Công an Huyện G;
- Bị cáo;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Trần Thị Thu Hiền

